

Bản án số: 17/2019/ DS- ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2019
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản và HĐ góp hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huê

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Vũ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện AM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đông Hải.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/ 2019/ TLST- DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc " *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hui*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:63/2019/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: -Bà **Lê Thị Th**, sinh năm 1967 (có mặt);

- Bà **Thái Thị Diễm Th**, sinh năm 1980 (có mặt)

- Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1987 (có mặt)

- Ông **Trần Văn K**, sinh năm 1982 (có mặt)

2. Đồng bị đơn: - Ông **Trương Văn Út Nh**, sinh năm 1979 (vắng mặt có đơn);

- Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1985 (có mặt);

Cùng cư trú: ấp 9A, xã Thuận Hòa, huyện AM- Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ghi ngày 30/01/2019 và biên bản hòa giải ngày 02/5/2019 bà Võ Thị B trình bày và yêu cầu giải quyết như sau:

Vào năm 2016 và năm 2018 có cho bà Th vay nhiều lần, số tiền vay là 37.000.000 đồng cụ thể từng lần như sau:

Ngày 20/8/2016 âm lịch cho bà Tho vay 3.000.000đ, ngày 12/9/2016 âm lịch cho vay 4.000.000đ, ngày 29/5/2017 âm lịch bà Th vay số tiền vốn là

10.000.000đ, ngày 16/8/2017 âm lịch cho vay 10.000.000đ, ngày 21/12/2017 âm lịch cho bà Th vay 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 80.000/tháng, lãi trả hàng tháng, thời hạn trả tiền vay gốc 3 đến 4 tháng. Các lần cho vay tiền trên không làm biên nhận giấy tờ gì, khi đến hỏi vay thì bà Th trực tiếp hỏi vay, ông Út Nh không trực tiếp vay, mục đích hỏi vay tiền thì bà Th nói là vay tiền về mua lợn (heo) để cúng căn cho con, mua tôm giống nuôi và chi phí khác cho gia đình. Sau khi nhận tiền vay thì bà Th có trả tiền lãi được vài tháng ngưng, tháng 9/2018 âm lịch thì bà Th vỡ nợ và bỏ đi khỏi địa phương nên bà B có đến nhà gặp ông Út Nh thì ông có hẹn trả tiền cho bà B nhưng thời gian kéo dài không trả nên bà làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải thì bà Th không hẹn trả nên bà phải kiện ra Tòa yêu cầu giải quyết.

Nay bà Trần Thị Th còn thiếu tiền của bà là 37.000.000đ, yêu cầu ông Trương Văn Út Nh cũng phải có nghĩa vụ trả nợ với bà Th số tiền thiếu nêu trên. Không yêu cầu trả tiền lãi.

2. Trong đơn khởi kiện ghi ngày 30/01/2019 và biên bản hòa giải ngày 27/5/2019 nguyên đơn bà Thái Thị Diễm Th trình bày và yêu cầu giải quyết như sau:

Vào năm 2018 âm lịch bà Th có cho bà Th vay tiền nhiều lần, và bà Th tham gia góp hội nhiều phần, của các dây cụ thể như sau:

Dây hội áp ngày 22/8/2018 âm lịch, hội ngày, số tiền áp hội 50.000đ, bà Tho tham gia 06 phần, khi mở hội thì bà Tho tham gia đóng hội sống vài lần thì lĩnh hết 06 phần hội, đóng hội chết được 88 lần (trong đó có của 06 phần hội) thì ngưng, không đóng hội chết cho bà Th, hiện nay dây hội này mãn tháng 01/2019 âm lịch) còn nợ lại 67 lần x 50.000đ = 21.100.000đ.

Dây hội áp ngày 17/6/2017 âm lịch, loại hội 200.000đ, có 54 phần, một tuần mở hội một lần, bà Th tham gia 03 phần, sau khi áp hội thì bà Th đóng hội sống được vài lần lĩnh hết 03 phần. Sau khi lĩnh hội thì bà Th đóng hội chết được 37 lần thì không đóng (dây hội này mãn tháng 6/2018 âm lịch), hiện nay còn nợ lại 17 lần hội chết, số tiền là 10.200.000đ.

Dây hội áp ngày 15/01/2018, loại hội 1.000.000đ, có 26 phần tham gia, trong đó bà Th tham gia 01 phần, hội 15 ngày mở hội 01 lần, khi áp hội thì bà Th đóng hội sống được 02 lần, đến lần thứ ba thì bà Th lĩnh hội, sau khi lĩnh hội thì bà nộp hội chết được 17 lần (hội mãn tháng 01/2019), hiện nay còn thiếu 5 lần, số tiền 5.000.000đ.

Ngoài thiếu tiền hội thì ngày 01/10/2018 âm lịch bà Th có vay của bà số tiền 35.000.000đ, lãi suất thỏa thuận một ngày 360.000đ/ngày, sau khi vay bà Th có đóng lãi được đến 20/10/2018 âm lịch, không đóng lãi nữa, bà bỏ nhà đi, sau đó có sự giàn xếp gia đình nên đến ngày 23/10/2018 âm lịch bà Th về thì người thân của bà Th điện tất cả các chủ nợ lại để xác định nợ bà Th thiếu, ông Út Nhỏ (chồng bà Th) động viên các chủ nợ để ông lo trả nợ nhưng mãi đến nay chưa

trả. Nay bà Th yêu cầu bà Th và ông Út Nh phải trả lại cho bà Th số tiền 71.300.000đ, thời hạn trả một lần. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

3. Trong đơn khởi kiện ghi ngày 30/01/2019 và biên bản hòa giải ngày 27/5/2019 bà Lê Thị Th trình bày và yêu cầu như sau:

Năm 2017 và 2018 bà làm chủ hội, bà Th vợ ông Trương Văn Út Nh có tham gia 05 phần, loại hội áp 500.000đ và 1.000.000đ của các dây hội cụ thể như sau:

1. Dây hội áp ngày 25/10/2017 âm lịch, có 20 phần, loại hội áp 1.000.000đ, một tháng mở hội 01 lần, bà Th tham gia 01 phần và đóng hội sống được 01 lần thì lĩnh hội, sau đó đóng hội chết được 13 lần thì không đóng, dây hội này năm ngày 25/6/2019, hiện nay bà Th thiếu tiền hội của bà Th 07 lần x 1.000.000đ, bằng 7.000.000đ.

2. Dây hội áp ngày 30/02/2018 âm lịch, có 28 phần, loại hội áp 500.000đ, 15 ngày mở hội 01 lần (một tháng mở hội 02 lần), bà Th tham gia 02 phần, và đóng hội sống được 01 lần thì ngày 15/3/2018 âm lịch lĩnh một phần, ngày 30/5/2018 tiếp tục lĩnh 01 phần. Sau đó đóng hội chết cho bà được đến ngày 15/10/2018 âm lịch thì không đóng hội, dây hội này mãi 15/4/2019 âm lịch, bà Th thiếu 10 lần x 02 phần x 500.000đ x 2 = 10.000.000đ

3. Dây hội áp ngày 05/8/2018 âm lịch, loại hội 1.000.000đ, có 23 phần, một tháng mở hội một lần, bà Th tham gia 01 phần, khi mở hội được 01 lần thì bà Th lĩnh hội, sau đó đóng hội chết được đến ngày 05/11/2018 âm lịch thì không đóng hội. Dây hội này đến ngày 5/4/2020, bà Th còn thiếu đến mãi hội là 17 lần = 17.000.000đ.

Ngoài thiếu tiền hội ra thì ngày 10/10/2018 âm lịch bà Th có vay của bà số tiền 5.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 15.000đ/ngày, thời gian hẹn trả tiền gốc là 20 ngày. Sau khi nhận tiền vay thì bà Th đóng tiền lãi được 5 ngày thì không đóng và không trả tiền vay gốc, bà có đến đòi nhiều lần thì bà Th nói là bế nợ, không tiền trả.

Nay yêu cầu bà Th và ông Út Nh phải trả số tiền hội và tiền vay còn thiếu là 33.000.000đ. Trả một lần phải đủ số tiền cho tôi.

4. Trong đơn khởi kiện ghi ngày 30/01/2019 và biên bản hòa giải ngày 02/5/2019 ông Trần Văn K trình bày và yêu cầu giải quyết như sau:

Vào năm 2018 ông có cho bà Th vay tiền nhiều lần, số tiền vay là 26.000.000 đồng cụ thể như sau:

Ngày 03/5/2018 âm lịch bà Th vay 10.000.000đ, Ngày 6/6/2018 âm lịch bà Th vay 16.000.000đ, bà Th đóng tiền lãi được 01 tháng thì ngưng, cả hai lần vay không làm biên nhận giấy tờ gì. thời hạn cho vay không quy định. Lãi suất thỏa thuận 700.000đ/tháng của số tiền 26.000.000đ. Bà Th trả lãi được một kỳ ngưng nên ông có đến gặp bà Th để đòi lại tiền vay gốc và tiền lãi thì bà Th trả

lời không có khả năng trả. Khi hỏi vay tiền thì bà Th nói là vay tiền mua tôm giống và chi phí trong gia đình.

Nay ông Kiện xác định cho bà Trần Thị Th vay nên khởi kiện một mình bà Th trả nợ, còn thiếu là 26.000.000đ, không yêu cầu trả tiền lãi. Không yêu cầu ông Út Nh trả nợ cho ông cùng với bà Th.

*** *Tại biên bản hòa giải ngày 02/5 và ngày 27/5 năm 2019 bà Trần Thị Th trình bày:***

Từ năm 2016 đến năm 2019 bà có hỏi vay tiền và tham gia góp hụi của các chủ nợ có tên trên, tổng số tiền thiếu đến nay là: 167.300.000đ (*Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng*) thời gian vay và thỏa thuận trả tiền lãi và tiền vốn đúng như các đồng nguyên đơn nêu ra, cụ thể thiếu từng người như sau.

1. Tiền vay của bà Th 35.000.000đ, và đóng tiền lãi cho bà Th nhiều lần đến tháng 10/2018 âm lịch ngưng không đóng tiền lãi cho bà Th nữa.

Trong năm 2018 bà có tham gia góp hụi do bà Th làm chủ, sau khi tham gia thì lần lượt lĩnh hết các phần hụi đúng như bà Th là 36.300.000đ.

2. Trong năm 2017 và 2018 bà có hỏi vay tiền của bà Lê Thị Th là 5.000.000đ, và tham gia các phần hụi của các dây hụi bà Th làm chủ còn thiếu tiền hụi 28.000.000đ, cộng 02 khoản còn thiếu bà Th 33.000.000đ.

3. Năm 2016 đến năm 2018 có vay tiền của bà B nhiều lần, số tiền 37.000.000đ, khi vay tiền cho đến nay bà đóng tiền lãi cho bà B rất nhiều đến tháng 9/2018 âm lịch ngưng không đóng tiền lãi cho bà B nữa.

4. Có vay tiền của ông K 26.000.000đ, hiện còn nợ chưa trả cho ông K.

Khi vay tiền của các chủ nợ bà dấu ông Út Nh nên ông Út Nh không hay biết, việc vay tiền về để sử dụng cho việc đóng tiền lãi cho người khác mà trước đây bà hỏi vay cứ lần lượt như thế, một số ít chi phí trong gia đình, hỏi vay do lãi suất cao, thời gian kéo dài không tiền trả phải dấu chồng hỏi vay để lấp mãi đến nhiều ngày không trả được phải thiếu nợ nhiều, thời gian gần đây thì ông Út Nh biết. Đối với các khoản tiền trả lãi trước đây cho các chủ nợ xong, bà không yêu cầu tính lại.

Nay theo yêu cầu của bà B, bà Th, bà Th, ông K đòi tôi phải trả số tiền còn thiếu cho từng người nêu trên, bà Th đồng ý trả nhưng hẹn trả dần cho một người, một tháng 200.000đ, thời hạn bắt đầu trả từ ngày 02/6/2019, trả cho đến khi xong số nợ cho các chủ nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2019 ông Trương Văn Út Nh trình bày: Ông Út Nh nhận được tất cả văn bản do Tòa án tổng đạt nhưng do gia đình đơn chiếc, khó khăn nên ông phải đi làm kiếm tiền để trả nợ, vợ chồng còn có con nhỏ nên phải trông coi, không đến tham gia giải quyết vụ kiện tại Tòa án được mà để cho bà Tho là người trực tiếp hỏi vay, tham gia góp hụi của các chủ

nợ K Tòa án giải quyết, ông Út Nh thừa nhận có và còn thiếu nợ ông K 26.000.000đ, bà B 37.000.000đ, bà Th 71.300.000đ, bà Th 33.000.000đ, nhưng không có khả năng trả một lần cho các chủ nợ, mà cho ông hẹn trả một người, một tháng 200.000đ;

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Thái Thị Diễm Th, bà Lê Thị Th, bà Võ Thị B, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bà Trần Thị Th và ông Trương Văn Út Nh trả tiền vay và tiền hui còn thiếu. Không yêu cầu trả tiền lãi. Riêng đối với ông K thì rút phần yêu cầu không đòi ông Út Nh trả nợ cho ông cùng với bà Th

Bị đơn bà Trần Thị Th xác định còn nợ tiền vay tiền hui của các chủ nợ trên, cho bà xin hẹn trả một tháng, một người tháng 200.000đ vì hiện nay hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, thời hạn bắt đầu trả từ ngày 27/6/2019, trả cho đến khi xong số nợ cho các chủ nợ.

Đối với khoản tiền lãi tôi đã trả xong cho bà Th, chị Diễm Th, ông K, bà B, bà Th không yêu cầu Tòa án tính lại.

Bị đơn ông Trương Văn Út Nh vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu về thực hiện tố tụng và ý kiến giải quyết vụ án.

Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Út Nh chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đó là 02 lần tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đều vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: bà Trần Thị Th và ông Út Nh có tham gia góp hui do bà Th, bà Th làm chủ. Nay bà Th, xác định còn nợ bà Th 36.300.000 đồng tiền hui, nợ bà Th 28.000.000đ. Ngoài khoản thiếu tiền hui thì bà Th còn thiếu tiền vay của các chủ nợ Th 35.000.000đ, bà Th 5.000.000đ, ông K 26.000.000đ, bà B 37.000.000đ nhưng hẹn trả mỗi tháng cho một chủ nợ 200.000 đồng, phía các nguyên đơn không đồng ý mà yêu cầu trả 01 lần đủ. Riêng đối với ông K thì rút lại phần yêu cầu không đòi ông Út Nh trả nợ cho ông cùng với bà Th. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn, buộc bà Th, ông Út Nh trả cho bà Th 71.300.000đ, trả cho bà Th 33.000.000đ, trả cho bà B 37.000.000đ, Buộc bà Th trả cho ông K 26.000.000đ.

NHẬN XÉT CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Thái Thị Diễm Th, bà Lê Thị Th, ông Trần Văn K, bà Võ Thị B khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn Út Nh và bà Trần Thị Th, trả tiền vay, tiền hui còn nợ, bà Th thừa nhận có tham gia góp hui và có hỏi tiền của các chủ nợ nêu trên, nên được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay đồng bị đơn ông Út Nh và bà Th, cư trú tại ấp 9A, xã Thuận Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án do các nguyên đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện An Minh có tổng đạt Thông báo Thu lý cho đồng bị đơn bà Th và ông Út Nh biết và quy định thời hạn cho bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, ông Út Nh và bà Th đã nhận, đã hết thời hạn ghi trong thông báo bị đơn không ý kiến, nên Tòa án tiếp tục thông báo về việc mở phiên họp tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cả hai lần ông Út Nh đều vắng mặt không lý do nên Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho ông Nh nhận. Đồng thời ông có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, tại phiên tòa các nguyên đơn, bị đơn là bà Th không yêu cầu HĐXX hoãn phiên tòa nên tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt ông Nh theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung: Bà Thái Thị Diễm Th, bà Lê Thị Th, ông K, bà B, cùng với bà Th xác lập hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui bằng lời nói, và thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc có thời hạn và thời hạn trả tiền lãi, việc thỏa thuận của các đương sự được xác định vay có kỳ hạn theo quy định tại Điều 463 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015, và ngoài việc thỏa thuận vay tài sản thì giữa bà Th và bà Th, bà Th còn thỏa thuận với nhau hợp đồng góp hui, khi tổ chức góp hui thì chủ hui ghi sổ hui theo dõi các thành viên tham gia góp hui, hui có lãi và có hoa hồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 5, 6, 7, 8 Điều 17 Nghị Định 144/2006/ND-CP về họ, hui, biểu, phường.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Diễm Th, và Lê Thị Th, ông Trần Văn K, bà Võ Thị B đòi ông Trương Văn Út Nh và bà Trần Thị Th phải trả tiền

hụi và tiền vay còn thiếu 167.300.000đ, trong đó: thiếu của bà Th là 36.300.000đ, bà Th 28.000.000đ tiền hụi, thiếu ông K 26.000.000đ, bà B 37.000.000đ, bà Th 5.000.000đ, bà Th 35.000.000đ tiền vay. Bà Th thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà Th và bà Th đúng số tiền như bà Th, bà Th nêu ra và khoản tiền vay còn thiếu của bà Th số tiền vay là 35.000.000đ, thiếu bà Th 5.000.000đ, thiếu của ông Trần Văn K là 26.000.000đ, thiếu của bà B 37.000.000đ. Tổng cộng các khoản là 167.300.000đ, đồng ý trả nhưng hình thức cho trả dần hàng tháng, phía đồng nguyên đơn không đồng ý mà yêu cầu trả đủ một lần, riêng đối với ông K thì rút yêu cầu không đòi ông Út Nh cùng có trách nhiệm với bà Th trả nợ cho ông. Thấy rằng, ông Út Nh và bà Th thừa nhận và đồng ý trả cho bà Th, bà Th, ông K và bà B số tiền của từng người cụ thể như đã nêu trên là có thật và thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận xem xét.

Xét yêu cầu của các đồng nguyên đơn đòi ông Út Nh và bà Th phải trả đủ tiền một lần có cơ sở vì bà Th vay tiền và tham góp hụi hiện nay còn nợ của các đồng nguyên đơn, đối với khoản tiền vay thì theo bà Th thừa nhận hỏi vài thời hạn 3, đến 4 tháng, lãi trả hàng tháng nhưng từ khi vay cho đến nay đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận trả tiền vay gốc nhưng bà Th không thanh toán mặc dù phía nguyên đơn đến nhắc nhở nhiều lần cho nên bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho các đồng nguyên đơn, đối với khoản tiền hụi còn thiếu các dây hụi hiện nay bà Th tham gia đã mãn mà bà Th không góp tiền hụi cho chủ hụi nên các chủ hụi phải xuất tiền góp hụi thay cho bà Th, nên bà Th và bà Th có quyền đòi lại khoản tiền mà các bà góp thay cho bà Th. Bà Th và ông Úy Nh đồng ý trả nhưng về thời gian và phương thức trả số tiền 167.300.000đ do các đương sự không thống nhất với nhau nên, không thể ghi nhận, mà buộc ông Trương Văn Út Nh và bà Trần Thị Th phải trả cho bà Thái Thị Diễm Th 71.300.000đ, (36.300.000đ tiền hụi, 35.000.000đ tiền vay), trả cho bà Lê Thị Th 33.000.000đ (28.000.000đ tiền hụi, 5.000.000đ tiền vay), trả cho bà Võ Thị B 37.000.000đ là số tiền vay và tiền hụi còn nợ. Buộc bà Trần Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn K số tiền vay còn thiếu 26.000.000đ. Thời gian và phương thức trả theo quy định pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466, 468, 470, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 13, 14, 15, 16, 17, 28 và khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/ND-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 Chính Phủ về hộ, hụi, biếu, phường.

Đối với khoản tiền lãi mà bà Th đã thanh toán xong cho bà Th, bà Th, bà B, ông K, tại phiên tòa hôm nay bà Th không yêu cầu tính lại, nên HĐXX không xem xét.

Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Buộc ông Trương Văn Út Nh, bà Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.065.000 đồng ($141.300.000 \text{ đồng} \times 5\%$) Buộc bà Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần có trách nhiệm trả tiền cho ông K là 1.300.000đ ($26.000.000\text{đ} \times 5\%$) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Bà Th, bà Th, bà B, ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Th, bà Th, bà B, ông K tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà các ông bà đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 13, 14, 15, 16, 17, 28 và khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/ND-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 Chính Phủ về họ, họ, họ, họ, họ; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1] Buộc ông Trương Văn Út Nh và bà Trần Thị Th phải trả cho bà Thái Thị Diễm Th số tiền 71.300.000đ (*Bảy mươi một triệu ba trăm nghìn đồng*), (tiền vay còn nợ là 35.000.000 đồng, tiền hui còn thiếu 36.300.000đ).

[2] Trả cho bà Lê Thị Th số tiền 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*), (tiền vay 5.000.000đ, tiền hui còn thiếu 28.000.000đ).

[3] Trả cho bà Võ Thị B số tiền 37.000.000đ (*Ba mươi bảy triệu đồng*) tiền vay còn nợ.

[4] Buộc bà Trần Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn K số tiền 26.000.000đ (*Hai mươi sáu triệu đồng*) tiền vay còn nợ.

[5] Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành án không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đối với khoản tiền lãi do các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Buộc ông Trương Văn Út Nh và bà Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.065.000 đồng (*Bảy triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Buộc bà Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần có trách nhiệm trả tiền cho ông K là 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*)

Hoàn trả lại cho bà Thái Thị Diễm Th tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.783.000 đồng theo biên lai thu số 0006172 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Th tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 825.000 đồng theo biên lai thu số 0006171 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM.

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị B tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 925.000 đồng theo biên lai thu số 0006170 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM.

Hoàn trả lại cho ông Trần Văn K tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 650.000 đồng theo biên lai thu số 0006173 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM.

[7]. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 17 tháng 6 năm 2019. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án này tổng đạt hợp lệ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AM;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện AM;
- Lưu HSVA,VP;

Lê Mỹ Huê